Chi tiết mã HS 2505.90.00

Mã HS	2505.90.00
Mô tả hàng hóa	Các loại cát tự nhiên, đã hoặc chưa nhuộm màu, trừ cát chứa kim loại thuộc Chương 26 / - Loại khác
Đơn vị	kg/m3
Thời điểm tạo	10/11/2026 06:35:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/25059000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3033
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3033
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q3033
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3033
Thuế XK ưu đãi CPTPP	30	30%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3033
Thuế XK ưu đãi EVFTA	20	20%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3033
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	20	20%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3033

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3007
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2968
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2968
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2968
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2968
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2968
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2968
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3006
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3006

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3006
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3006
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3006
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3006
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3010
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3010
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3010
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3010
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3010
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3010
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3010
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2974
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2970
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2970
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2970
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2970
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2970
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2970
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2970
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2970
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2970
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2970
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2970
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2970
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3017
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3017

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3017
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3017
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3017
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3017
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3014
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3014
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3014
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3014
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3014
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3014
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3022
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3022
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3022
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3022
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3022
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3022
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D2993
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E2993
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F2993
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G2993
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H2993
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2993
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D2995
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E2995
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F2995
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G2995

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H2995
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2995
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D2991
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2991
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2991
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2991
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2991
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2991
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2991
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3014
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3014
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3014
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3014
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3014
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3014
RCEP B	2022	2022	0	B!D3014
RCEP B	2023	2023	0	B!E3014
RCEP B	2024	2024	0	B!F3014
RCEP B	2025	2025	0	B!G3014
RCEP B	2026	2026	0	B!H3014
RCEP B	2027	2027	0	B!I3014
RCEP C	2022	2022	0	C!D3014
RCEP C	2023	2023	0	C!E3014
RCEP C	2024	2024	0	C!F3014
RCEP C	2025	2025	0	C!G3014
RCEP C	2026	2026	0	C!H3014

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3014
RCEP D	2022	2022	0	D!D3014
RCEP D	2023	2023	0	D!E3014
RCEP D	2024	2024	0	D!F3014
RCEP D	2025	2025	0	D!G3014
RCEP D	2026	2026	0	D!H3014
RCEP D	2027	2027	0	D!I3014
RCEP E	2022	2022	0	E!D3017
RCEP E	2023	2023	0	E!E3017
RCEP E	2024	2024	0	E!F3017
RCEP E	2025	2025	0	E!G3017
RCEP E	2026	2026	0	E!H3017
RCEP E	2027	2027	0	E!I3017
RCEP F	2022	2022	0	F!D3014
RCEP F	2023	2023	0	F!E3014
RCEP F	2024	2024	0	F!F3014
RCEP F	2025	2025	0	F!G3014
RCEP F	2026	2026	0	F!H3014
RCEP F	2027	2027	0	F!I3014
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F2808
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G2808
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H2808
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I2808

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Khoáng sản làm VLXD (04/2021/TT-BXD)		04/2021/TT-BXD	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	VIFTA 1,7%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (0%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 0%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Đá phấn và đolomit chưa nung hoặc thiêu kết > Cát tự nhiên, đã hoặc chưa nhuộm màu. Gồm: cát ôxit silic, cát thạch anh và cát tự nhiên khác. (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2505.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2505.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3033), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Khoáng sản làm VLXD (04/2021/TT-BXD)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.